**Thứ Ba ngày 10 tháng 12 năm 2024**

**Buổi chiều**

**TOÁN**

**TIẾT 66, BÀI 45: LUYỆN TẬP CHUNG (T1) – TRANG 95, 96**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Vận dụng quy tắc tính giá trị biểu thức đã học.

- Vận dụng được kiến thức, kĩ năng đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.

- Tự học, tự nghiên cứu bài. Cùng bạn bè trao đổi, chia sẻ để hoàn thành nhiệm vụ học tập.

- Góp phần bồi dưỡng tính chăm chỉ, hợp tác và trách nhiệm.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Kế hoạch bài dạy

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TG** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **4P** | **1. Hoạt động mở đầu** |
| - GV tổ chức trò chơi “Hái táo” để khởi động bài học.+ Câu 1: 97 – 17 + 20 = ...?+ Câu 2: 6 × 3 : 2 = ...?- GV nhận xét, tuyên dương.- GV dẫn dắt vào bài mới | - HS tham gia trò chơi+ HS trả lời- HS lắng nghe. |
| **28P** | **2. Luyện tập***:* |
|  | **Bài 1. Tính giá trị của biểu thức sau** - Yêu cầu HS nêu yêu cầu bài tập**-** GV cho HS làm bài.

|  |
| --- |
| a) 948 – 429 + 479 |
| 424 : 2 × 3 |
| b) 750 – 101 × 6 |
| 100 : 2 : 5 |
| c) 998 – (302 + 685) |
| ( 421 – 19) × 2 |

- Mời HS nhận xét, bổ sung- GV chữa bài, nhận xét - đánh giá.a) 948 – 429 + 479 = 998424 : 2 × 3 = 636b) 750 – 101 × 6 = 144100 : 2 : 5 = 10c) 998 – (302 + 685) = 11( 421 – 19) × 2 = 804- Khuyến khích HS nêu quy tắc tính giá trị biểu thức.**Bài 2: Đặt tính rồi tính** - GV yêu cầu HS nêu đề bài- GV cho HS làm bài.

|  |  |
| --- | --- |
| (300 + 70) + 500 | (178 + 214) + 86  |
| 300 + (70 + 500) | 178 + (214 + 86) |

- Yêu cầu HS nhận xét.- GV nhận xét từng bài, tuyên dương.(300 + 70) + 500 = 870300 + (70 + 500) = 870(178 + 214) + 86 = 478178 + (214 + 86) = 478- GV hỏi: + Nhận xét về giá trị của các biểu thức trong từng cột ở phần a?+ Các biểu thức này có đặc điểm gì?+ Nêu điểm giống và khác nhau của 2 phép tính cùng cột?- Yêu cầu HS nhận xét, bổ sung- GV nhận xét chốt đáp án đúng+ Giá trị của các biểu thức trong từng cột đều bằng nhau.+ Các biểu thức đều chỉ chứa dấu cộng và đều có dấu ngoặc.+ Các số hạng trong các phép tính ở từng cột giống nhau. Vị trí dấu ngoặc của các phép tính trong cột khác nhau.=> Trong các biểu thức chỉ chứa dấu cộng, giá trị của biểu thức như thế nào khi thay đổi vị trí các dấu ngoặc?- GV chốt đáp án đúng: Trong các biểu thức chỉ chứa dấu cộng, giá trị của biểu thức không thay đổi khi thay đổi vị trí các dấu ngoặc.- GV yêu cầu HS lấy ví dụ tương tự các biểu thức ở câu a.- Nêu kết quả của phép tính: 123 + (45 +300)- GV nhận xét: 123 + (45 +300) = 468- Ta có thể biết kết quả phép tính (123 + 45) +300 mà không cần thực hiện tính không? Bằng bao nhiêu? Vì sao em biết?- GV nhận xét: (123 + 45)+300= 468. Vì trong các biểu thức chỉ chứa dấu cộng, giá trị của biểu thức không thay đổi khi thay đổi vị trí các dấu ngoặc.**Bài 3. Đặt tính rồi tính (Làm việc cá nhân).**- GV yêu cầu HS nêu đề bài- GV cho HS làm bài.

|  |  |
| --- | --- |
| (2 × 6 ) × 4 | (8 × 5) × 2 |
| 2 × (6 × 4) | 8 × (5 × 2) |

- Yêu cầu HS nhận xét- GV nhận xét từng bài, tuyên dương.(2 × 6 ) × 4= 482 × (6 × 4) = 48(8 × 5) × 2= 808 × (5 × 2)= 80- GV hỏi: + Nhận xét về giá trị của các biểu thức trong từng cột ở phần a?+ Các biểu thức này có đặc điểm gì?+ Nêu điểm giống và khác nhau của 2 phép tính cùng cột?- Yêu cầu HS nhận xét, bổ sung- GV nhận xét, kết luận: + Giá trị của các biểu thức trong từng cột đều bằng nhau.+ Các biểu thức đều chỉ chứa dấu nhân và đều có dấu ngoặc.+ Các thừa số trong các phép tính ở từng cột giống nhau. Vị trí dấu ngoặc của các phép tính trong cột khác nhau.=> Trong các biểu thức chỉ chứa dấu nhân, giá trị của biểu thức như thế nào khi thay đổi vị trí các dấu ngoặc?- GV kết luận: Trong các biểu thức chỉ chứa dấu nhân, giá trị của biểu thức không thay đổi khi thay đổi vị trí các dấu ngoặc.- GV yêu cầu HS lấy ví dụ tương tự các biểu thức ở câu a.- Nêu kết quả của phép tính: 3 × (4 × 5)=> 3 × (4 × 5)= 60- Ta có thể biết kết quả phép tính (3 × 4 ) × 5mà không cần thực hiện tính không? Bằng bao nhiêu? Vì sao em biết?- GV kết luận: Vì trong các biểu thức chỉ chứa dấu nhân, giá trị của biểu thức không thay đổi khi thay đổi vị trí các dấu ngoặc. | - HS nêu yêu cầu- HS quan sát bài tập,làm vào nháp. - 3 HS làm bảng lớp.- HS khác nhận xét, bổ sung.- HS lắng nghe- HS lắng nghe và thực hiện- 1 HS đọc đề bài.- HS làm bài vào nháp. 2 HS làm bảng lớp.- HS nhận xét, bổ sung- HS lắng nghe+ HS trả lời- HS nhận xét, bổ sung- HS lắng nghe- HS trả lời- HS lắng nghe- HS tự nêu ví dụ.- HS nêu - HS trả lời.- 1 HS đọc đề bài.- HS làm bài vào nháp. 2 HS làm bảng lớp.- HS nhận xét- HS lắng nghe- HS trả lời- HS nhận xét, bổ sung- HS lắng nghe- HS trả lời- HS tự nêu ví dụ.- HS nêu- HS trả lời- HS trả lời- HS lắng nghe**(HSKT-THÀNH:** **1. Điền vào chỗ trống:****20;......,......,17,......,.....,14,13,....,11****10,.....,.....,7,6,5,....,....,2,1****2. Tính:****13+4= 15+2=****15+5= 15+1=****14-1= 14-2=****15-2= 16-3=****2+4= 4+3=****4+5= 1+7=** **8-1= 5-3=)** |
| **3P** | **3. Hoạt động nối tiếp** |
|  | - GV tổ chức trò chơi “Ai nhanh, ai đúng” tìm kết quả của các biểu thức+ 40 + 80 : 4 = ....+ (3 × 3) × 2 = ...+ 3 × ( 3 × 2) = ... + ( 5 + 3 ) × 2 = ...- GV nhận xét, tuyên dương.- Nhận xét tiết học. | - HS chơi các nhân.+ Ai nhanh, đúng được khen.+ HS tham gia trò chơi |
|  | **IV. Điều chỉnh sau bài dạy:**.................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................... |